

Số: 1904236

|                                                | Mazda CX-30 2.0 Premium                         | Kia New Seltos 1.5L Premium |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 749.000.000đ                                    | 749.000.000đ                |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                                 |                             |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4395 x 1795 x 1540                              | 4365 x 1800 x 1645          |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2655                                            | 2610                        |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                            | 5300                        |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 175                                             | 190                         |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1452                                            | 1234                        |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1936                                            | 1690                        |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 430                                             | 433                         |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                                              | 50                          |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                               | 5                           |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                       | SX-LR trong nước            |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                                 |                             |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.0L                                 | Smartstream 1.5G            |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1998                                            | 1497                        |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 153 / 6000                                      | 113 Hp/ 6.300 rpm           |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 200 / 4000                                      | 144 Nm/ 4.500 rpm           |
| Hộp số                                         | 6AT                                             | Hộp số vô cấp CVT           |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                 | Cầu trước (FWD)             |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Macpherson thanh cân bằng               | McPherson                   |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                      | Thanh cân bằng              |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                             | Đĩa                         |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                             | Đĩa                         |
| Thông số lốp xe                                | 215/55 R18                                      | 215/60 R17                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.78                                            | n/a                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.33                                            | n/a                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.6                                             | n/a                         |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                               | -                           |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                  | Normal/Eco/Sport            |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao<br>GVC Plus |                             |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                                 |                             |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                             | LED                         |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                               | ●                           |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                                               | -                           |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                               | -                           |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                                               | -                           |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                               | ●                           |
| Đèn sương mù                                   | LED                                             | LED                         |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                             | LED                         |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                               | ●                           |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                               | ●                           |
| Cửa sổ trời                                    | -                                               | ●                           |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                                                 |                             |

|                                    |                    |                |
|------------------------------------|--------------------|----------------|
| Vô lăng bọc da                     | ●                  | ●              |
| Chất liệu ghế                      | Da                 | Da             |
| Ghế người lái chỉnh điện           | ●                  | ●              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí        | ●                  | -              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                  | ●              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                  | ●              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital 7 | 4.2"           |
| Màn hình HUD                       | ●                  | -              |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 8.8                | 10.25"         |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                  | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                  | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2                  | Tự động 2 vùng |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                  | ●              |
| Chìa khóa thông minh               | ●                  | ●              |
| Khởi động nút bấm                  | ●                  | ●              |
| Hệ thống âm thanh                  | 8 loa              | 6 loa          |
| Lấy chuyển số                      | ●                  | ●              |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                  | -              |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                  | -              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                  | ●              |

#### AN TOÀN:

|                                                 |             |     |
|-------------------------------------------------|-------------|-----|
| Số túi khí                                      | 7           | 6   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●           | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●           | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●           | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●           | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●           | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●           | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●           | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●           | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●           | n/a |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau | ●   |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●           | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●           | ●   |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●           | -   |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●           | -   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●           | ●   |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●           | ●   |
| Camera lùi                                      | ●           | ●   |